

Bản án số: 35/2022/DS-PT
Ngày 01/4/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi
và Hợp đồng bảo lãnh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và Hợp đồng bảo lãnh*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lâm L, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Phan Thị Thúy U, sinh năm 1996; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 05-5-2021); vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Bà Cù Thị N, sinh năm 1957; Hộ khẩu thường trú: 2/115 tổ 15, ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Tạm trú: 273/29/17 Đ, phường 11, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà Cù Thị N: Anh Phạm Trung H, sinh năm 1984; có mặt

Nơi cư trú: 4386/3 P, phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Cù Thị N là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04-5-2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Lâm L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Chị Phan Thị Thúy U trình bày:

Chị Phạm Thị T có tham gia góp hụi do bà Trần Thị Lâm L làm chủ thảo. Khi tham gia góp hụi thì bà L yêu cầu bà Cù Thị N là mẹ chồng của chị T phải bảo lãnh cho chị T thì bà L mới cho chị T tham gia góp hụi. Bà N đồng ý bảo lãnh cho chị T thể hiện bằng việc bà N ký tên nhận tiền lĩnh hụi trong các dây hụi chị T tham gia và giấy chốt tiền hụi. Các dây hụi chị T tham gia góp hụi, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 10-8-2019 âm lịch gồm 22 phần, chị T tham gia 01 phần, hụi mãn ngày 10-4-2021 âm lịch. Chị T lĩnh hụi kỳ thứ nhất với số tiền là 72.500.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng). Khi lĩnh hụi thì chị T và bà N cùng nhận tiền hụi và cùng ký tên lĩnh hụi trong sổ hụi của bà L. Sau khi hốt hụi chị T đóng hụi chết cho bà L được 18 kỳ còn 3 kỳ hụi chết chưa đóng thành tiền là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 20-4-2020 âm lịch gồm 21 phần, chị T tham gia 01 phần, hụi mãn ngày 20-11-2021 âm lịch. Chị T lĩnh hụi kỳ thứ nhất với số tiền 73.500.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 2.500.000 đồng). Khi lĩnh hụi thì bà N nhận tiền hụi và ký tên lĩnh hụi trong sổ hụi của bà L. Chị T đóng hụi chết được 10 kỳ còn lại 11 kỳ chưa đóng thành tiền 55.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 15-7-2020 âm lịch gồm 21 phần, chị T tham gia 01 phần, hụi mãn ngày 15-3-2022 âm lịch. Chị T đóng hụi sống được 04 kỳ, trung bình mỗi kỳ đóng 1.600.000 đồng x 04 kỳ là 6.400.000 đồng. Chị T lĩnh hụi kỳ thứ năm với số tiền là 31.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng). Khi lĩnh hụi thì bà N nhận tiền hụi và ký tên lĩnh hụi trong sổ hụi của bà L. Chị T đóng hụi chết được 07 kỳ còn lại 14 kỳ chưa đóng thành tiền 28.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 30-10-2020 âm lịch gồm 21 phần, chị T tham gia 02 phần, hụi mãn ngày 30-6-2022 âm lịch. Chị T lĩnh hụi kỳ thứ nhất 02 phần, từng phần lĩnh cụ thể: Lĩnh hụi phần thứ nhất với số tiền 28.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng), một mình chị T ký tên, bà N không bảo lãnh, bà L không khởi kiện; lĩnh hụi phần thứ hai với số tiền 29.000.000 đồng (đã trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng), bà N ký nhận tiền hụi thì bà L khởi kiện. Chị T đóng hụi chết được 03 kỳ còn lại 18 kỳ chưa đóng thành tiền 36.000.000 đồng.

Sau khi lĩnh 04 dây hụi trên thì chị T và bà N đóng hụi chết dây hụi thứ nhất, thứ hai, thứ ba đến tháng 12-2020 âm lịch, ngưng đóng hụi từ tháng 01-2021 âm lịch,

Tổng cộng 04 dây hụi bà L khởi kiện thì chị T và bà N nợ bà L là 134.000.000 đồng. Do khi khởi kiện bà L tính nhầm số tiền nợ của chị T và bà N là 130.000.000 đồng (thực tế nợ là 134.000.000 đồng) nhưng bà L không khởi kiện bổ sung. Vì chị T và bà N vi phạm nghĩa vụ đóng hụi chết, đồng thời bà N có bảo lãnh cho chị T tham gia góp hụi nên nay bà L yêu cầu chị T và bà N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ các Điều 335, 342, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về Hộ, hụi, biếu, phường; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lâm L về “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng bảo lãnh” đối với Chị Phạm Thị T và bà Cù Thị N.

Buộc Chị Phạm Thị T và bà Cù Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Lâm L số tiền nợ hụi là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Ghi nhận, bà Trần Thị Lâm L không yêu cầu tính tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, bà N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, lý do Tòa án huyện C xét xử không khách quan, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà, bà N đề nghị hủy toàn bộ bản án đã tuyên, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại và yêu cầu xem xét miễn án phí cho bà N, do bà N là người cao tuổi thuộc diện miễn án phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị Thúy U là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Lâm L có đơn xin vắng mặt, Chị Phạm Thị T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L, chị U, chị T.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phạm Thị T có tham gia góp hụi do bà Trần Thị Lâm L làm chủ thảo. Bà N là mẹ chồng của chị T là người bảo lãnh cho chị T. Sau khi hốt hụi chị T đóng hụi chết đến tháng 12- 2020 âm lịch thì ngưng, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 10-8-2019 âm lịch, chị T còn 3 kỳ chưa đóng, thành tiền là 15.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 20-4-2020 âm lịch, chị T còn 11 kỳ chưa đóng, thành tiền 55.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Hụi 2.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 15-7-2020 âm lịch, chị T còn lại 14 kỳ chưa đóng, thành tiền 28.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Hụi 2.000.000 đồng/ tháng, mở ngày 30-10-2020 âm lịch còn lại 18 kỳ chưa đóng, thành tiền 36.000.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hụi chị T và bà N nợ bà L là 134.000.000 đồng. Do tính toán sai nên nay bà L chỉ yêu cầu chị T và bà N liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi 130.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Xét kháng cáo của bà N thấy rằng:

Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị T và bà N có ký tên nhận tiền đăng hụi các dây hụi nêu trên và có ký tên vào giấy nợ hụi ngày 28/02/2021. Cụ thể các danh sách hụi viên trong đó có ghi hụi viên tên “Thắm” (BL số 37, 38, 39, 40).

- Các giấy lĩnh tiền hụi có chữ ký nhận tiền hụi ghi tên Phạm Thị T, Cù Thị N tại dây hụi thứ nhất, có chữ ký nhận tiền hụi ghi tên Cù Thị N tại dây hụi thứ hai, thứ ba, thứ tư (BL số 42, 43, 44, 45).

- Giấy hụi ngày 28-02-2021, có nội dung “...1- Hụi 5 triệu ngày 10-8-2019 còn 3 lần..2- Hụi 5 triệu ngày 20-4-2020 còn 11 lần..3- Hụi 2 triệu ngày 30-10-2020 còn 18 lần ..Hụi 2 triệu này 2 phần..4- Hụi 2 triệu ngày 15-7-2020 còn 14 lần...” và nội dung “...mỗi tháng tôi về đây đóng hụi cho em liên chừng nào mãn hụi thì thôi...số tiền này là tôi lãnh hụi cho Phạm Thị T...” sau đó là chữ ký, chữ viết ghi tên Cù Thị N, Phạm Thị T (BL số 41) có cơ sở chấp nhận số tiền hụi 130.000.000 đồng chị T nợ bà L chưa đóng và bà N bảo lãnh hụi cho chị T.

Bà N cho rằng bà đã tạm trú ở: 273/29/17 Đ, phường 11, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng: Ngày 07-7-2021 bà N trực tiếp ký tên vào biên bản giao nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án nên bà N biết bà L đã kiện bà N tại Tòa án nhân dân huyện C, việc bà N thay đổi nơi cư trú không thông báo cho bà L và Tòa án huyện C biết nên Tòa án huyện C đã nêi yết các thủ tục tố tụng đối với bà N và xét xử vắng mặt bà N là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Thông báo về việc thụ lý vụ án giao cho bà N, Thẩm phán cấp sơ thẩm chỉ đóng dấu không ký tên thấy rằng: Tại bút lục số 12 trong hồ sơ vụ án thể hiện Thông báo về việc thụ lý vụ án có đóng dấu và ký tên Thẩm phán đầy

đủ, còn Thông báo về việc thụ lý vụ án giao cho bà N Thẩm phán có đóng dấu nhưng chưa ký tên là sai sót cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa anh H cho rằng Giấy nợ hui ngày 28-02-2021 bà N ký tên là không khách quan, chứng cứ anh H cung cấp là Thông báo về việc kết luận giải quyết đơn tố cáo ngày 14-5-2021, xét thấy: Giấy nợ hui bà N ký tên là ngày 28-02-2021, còn ngày tiếp nhận đơn tố cáo của anh H là ngày 01-5-2021 và nội dung giải quyết đơn tố cáo là hành vi xúc phạm danh dự, uy tín nghề nghiệp của anh H không liên quan đến nội dung Giấy nợ hui ngày 28-02-2021 do bà N và chị T ký tên, do đó lời trình bày của anh H không có cơ sở, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà N.

Đối với yêu cầu miễn án phí của bà N thấy rằng: Bà N sinh năm 1957 thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N được miễn án phí.

Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà N sửa bản án sơ thẩm về phần án phí. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là phù hợp Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận 01 phần nên bà N không phải chịu tiền án phí phúc thẩm nhưng do bà N là người cao tuổi thuộc diện miễn án phí nên không xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà Cù Thị N;

- Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 76/2021/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021, của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ các Điều 335, 342, 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19-02-2019 của Chính phủ về Hộ, hui, biểu, phường; các Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lâm L về “Tranh chấp hợp đồng góp hui và hợp đồng bảo lãnh” đối với Chị Phạm Thị T và bà Cù Thị N.

Buộc Chị Phạm Thị T và bà Cù Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Lâm L số tiền nợ hui là 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng). Ghi nhận, bà Trần Thị Lâm L không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Trần Thị Lâm L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Chị Phạm Thị T và bà Cù Thị N chưa thi hành xong số tiền trên, thì Chị Phạm Thị T và bà

Cù Thị N còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Phạm Thị T phải chịu 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà N được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Trần Thị Lâm L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị Lâm L 3.250.000 đồng (ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001999, ngày 05-5-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. Bà N không phải chịu tiền án phí phúc thẩm, do bà N thuộc diện được miễn án phí phúc thẩm nên không xử lý.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thúy Hằng